

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-PT

Ngày: 12/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 12/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; STQ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1942; có vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm 1977, có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 tại tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Lê Văn C, sinh năm 1988; nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/3/2010 bị Công an huyện T xử phạm vi phạm hành chính (hình thức phạt tiền = 500.000) về hành vi Đánh bạc; bị tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

3. **Lê Văn T1**, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; có vợ là Đỗ Thị D, sinh năm 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/11/2013 bị Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử phạm vi phạm hành chính (hình thức phạt tiền = 1.000.000) về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong quyết định xử phạt năm 2013; tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

4. **Hoàng Mạnh T2**, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1953; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

5. **Lê Văn D**, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D1, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1990 và 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

6. **Lê Văn C1**, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tám, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Bảy, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

Bị cáo đã rút kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa: **Lê Văn T3**, sinh năm 1962; STQ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lê Thanh N1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị V và Lê Thị Z không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 08/6/2017, T điều khiển xe mô tô YAMAHA Jannus, BKS 99C1-319.09 của T đến TX.S, tỉnh Bắc Ninh và bán chiếc xe này cho chị Trần Thị H1, sinh năm 1965 ở Phố Mới, phường Đ1, thị xã S được 25.000.000

đồng. T đi taxi về thôn V, xã P trả nợ C 15.000.000 đồng, trả tiền tắc xi 120.000đ, còn lại 9.880.000đ T cất vào túi quần. Sau khi được T trả tiền, C đã gộp với số tiền 10.000.000đ của C thành 01tệp rồi cất toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode BKS 99C1-301.97 của C đang dựng trong phòng khách tầng 1 nhà C, cất chìa khóa xe vào túi quần C đang mặc rồi ra đồng để chờ lúa. T ở gần đó nhìn thấy C cất tiền vào trong cốp xe. Khi C đi chờ lúa thì T đi ra sân nhà C và gặp C và T2 đang ngồi chơi ở đó, T rủ T2 và C đánh bạc. T là người chuẩn bị các dụng cụ đánh bạc gồm 04 quân bài hình tròn, 01 bát sứ và 01 đĩa sứ. Sau đó T cùng T2 và C vào trong nhà C cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau dưới hình thức chơi xóc đĩa. Đồng thời, T, T2, C mỗi người bỏ ra 50.000 đồng tiền hồ để cho C. Sau đó C, T1 và D cũng tham gia đánh bạc. Tổng số tiền mà T, T2, C1, C, T1 và D dùng để đánh bạc buổi sáng ngày 08/6/2017 tại nhà C là 14.650.000 đồng. Toàn bộ quá trình đánh bạc T là người xóc cái. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ đánh bạc. Khi kết thúc đánh bạc T khai bị thua bạc, chỉ còn lại 4.000.000 đồng. Số tiền hồ 150.000 đồng thì C cầm và sử dụng để chi tiêu cá nhân

Sau khi kết thúc đánh bạc thì C, T1, D, T2, C đi ăn cỗ, uống rượu còn T đi bộ về nhà mình. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, T quay lại nhà C để chờ mọi người đi ăn cỗ về sẽ tiếp tục đánh bạc. Khi đến nhà C, thấy mọi người chưa ăn cỗ về, T vào trong nhà C nhìn thấy chiếc xe mô tô Honda SH mode, BKS 99C1- 301.97 của C dựng ở phòng khách tầng 1 nên nảy sinh ý định trộm cắp số tiền mà C để trong cốp xe. Lợi dụng lúc gia đình C không có ai, T dùng tay phải cầm vào mép phải yên xe và dùng sức nâng yên xe lên, tạo ra khe hở khoảng 04 - 05 cm rồi dùng tay trái luồn qua khe hở vào trong cốp xe lấy ra được tệp tiền là 24.500.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng. T cất số tiền trộm cắp của C vào trong túi quần bên phải mà T đang mặc rồi đi ra cổng nhà C. Cùng lúc này T gặp T1 và T2 đi ăn cỗ về, cả bọn rủ nhau vào nhà T3 ở cạnh nhà C để tiếp tục đánh bạc. T quay vào phòng khách nhà C lấy dụng cụ đánh bạc mà T cùng đồng bọn đã dùng đánh bạc buổi sáng là 04 quân cái, bát sứ, đĩa sứ mang sang nhà T3 để đánh bạc. T cùng T2 và T1 lên tầng hai nhà T3 chơi xóc đĩa. Khi chơi T là người xóc cái, D, C1, C cùng vào tham gia đánh bạc. Trong lúc đánh bạc thì T, T1, D, C1, T2 mỗi người bỏ ra chiếu 50.000 đồng tiền hồ, tổng số là 250.000 đồng để cho chủ nhà là T3. Sau đó N1 đến nhà T3 và tham gia đánh bạc. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, T3 đi chơi về, thấy mọi người đang đánh bạc thì T3 đồng ý để cho mọi người đánh bạc tại nhà T3, C cầm số tiền 250.000 đồng đưa cho T3, nói rõ cho T3 biết đó là tiền hồ của các con bạc nộp. T3 cầm tiền hồ mà C đưa cho và vào tham gia đánh

bạc. Tổng số tiền mà T, T2, T1, D, C1, C, N1 và T3 sử dụng để đánh bạc buổi chiều ngày 08/6/2017 tại nhà T3 là 37.900.000đ.

Trong quá trình điều tra chị M (vợ C) tự giác giao nộp 1.760.000 đồng; bị cáo C giao nộp 700.000 đồng; Chị Z(vợ T2) giao nộp 1.700.000 đồng; Chị V (vợ D) giao nộp 600.000 đồng là tiền các đối tượng khai còn khi kết thúc đánh bạc để xử lý theo pháp luật. Chị K (vợ T) đã tự nguyện bồi thường cho C 24.500.000 đồng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc” và tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn T1, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 138; (điểm b đối với tội Trộm cắp), p khoản 1 Điều 46; (điểm g khoản 1 Điều 48 đối với tội Đánh bạc); Điều 33; Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 tháng tù về tội “đánh bạc”; 14 tháng tù về tội”Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Lê Văn C 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017.

Bị cáo Lê Văn T1 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017.

Các bị cáo Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D và Lê Văn C1 mỗi bị cáo 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 đến ngày 20/7/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với bị cáo còn lại, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2017, 29/12/2017, 02/01/2018 các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn D, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn C1 và Lê Văn T1 kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 02/01/2018 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo C, D, T2, T1 và C1 đều trình bày, quá trình chờ xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền theo Bản án sơ thẩm đã tuyên và nhận thức được sai lầm, các bị

cáo đề N1 HĐXX xem xét, chiếu cố cho hưởng án treo. Bị cáo T đề N1 giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu ý kiến đề N1 HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào sáng ngày 08/6/2017, tại nhà Lê Văn C, Nguyễn Văn T, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn C1, Lê Văn C, Lê Văn T1 và Lê Văn D đã có hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức xóc đĩa, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.650.000đ. Bị cáo C được hưởng 150.000đ tiền hồ.

Đến trưa ngày 08/6/2017, tại nhà Lê Văn T3 (bố C), T, T1, D, C, C1, T2 và có thêm Lê Thanh N1 tiếp tục đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Quá trình đánh bạc, các đối tượng bỏ ra tổng cộng được 250.000đ tiền hồ để đưa cho chủ nhà. Khoảng hơn 14h, T3 đi chơi về, thấy mọi người đánh bạc đã đồng ý và cầm 250.000đ tiền hồ do C đưa cho rồi vào tham gia đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc chiều ngày 08/6/2017 là 37.900.000đ. Ngoài hành vi đánh bạc, khoảng 12h cùng ngày 08/6/2017, Nguyễn Văn T đã có hành vi lên lút cây yên xe máy của Lê Văn C chiếm đoạt 24.500.000 đồng của C để trong cốp xe. Do vậy Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự và “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn T1, Lê Văn D, Hoàng Mạnh T2 và Lê Văn C1 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với Nguyễn Văn T: Hành vi đánh bạc và trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng, chuẩn bị dụng cụ, trực tiếp xóc cái cho việc đánh bạc. Cùng một lúc, bị cáo phạm 2 tội, do vậy Bản án sơ thẩm phạt bị cáo hình phạt tù giam là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo

có nhân thân tốt, ở tội trộm cắp gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt cho C, tại phiên tòa C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, do vậy HĐXX thấy cần chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cả 2 tội khoảng 06 tháng là phù hợp.

Đối với các bị cáo còn lại gồm: Lê Văn C, Lê Văn T1, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D và Lê Văn C1, HĐXX nhận thấy: Các bị cáo T2, D và C1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ tiền truy thu và tiền án phí gồm: Bị cáo C nộp 2.150.000đ (biên lai số 000405 ngày 07/3/2018 của Chi cục THADS huyện T); bị cáo T1 nộp 1.200.000đ (Biên lai số 000410 ngày 19/3/2018 của Chi cục THADS huyện T); bị cáo T2 nộp 5.200.000đ (Biên lai số 000404 ngày 06/3/2018 của Chi cục THADS huyện T); bị cáo D nộp 4.800.000đ (Biên lai số 000403 ngày 06/3/2018 của Chi cục THADS huyện T); bị cáo C1 nộp 4.700.000đ (Biên lai số 000413 ngày 11/4/2018 của Chi cục THADS huyện T). Đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, T1, T2, D, C1, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Đối với khoản tiền T nộp 10.500.000đ trước khi xét xử sơ thẩm, mặc dù gia đình bị cáo đã bồi thường xong 24.500.000đ cho C, tuy nhiên Bản án sơ thẩm vẫn tuyên trả cho C 9.500.000đ (trong số tiền 10.500.000đ) là không đúng, do vậy cần sửa lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn C, Lê Văn T1, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D và Lê Văn C1, sửa bản án sơ thẩm.

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 138; (điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 đối với tội trộm cắp); điểm p khoản 1 Điều 46; (điểm g khoản 1 Điều 48 đối với tội đánh bạc); Điều 33; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”; 10 (mười) tháng tù

về tội “trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án.

* Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/4/2018).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/4/2018).

- Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D, Lê Văn C1 mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/4/2018).

Giao các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn T1, Hoàng Mạnh T2, Lê Văn D và Lê Văn C1 cho UBND xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Văn T 33.300.000đ, đã nộp 10.500.000đ, còn phải nộp 22.800.000đ.

- Bị cáo Lê Văn C 3.710.000đ (xác nhận bị cáo C đã nộp xong 3.710.000đ và 200.000đ án phí HSST).

- Bị cáo Lê Văn T1 1.000.000đ (xác nhận bị cáo đã nộp xong 1.200.000đ bao gồm cả tiền án phí HSST).

- Bị cáo Hoàng Mạnh T2 4.400.000đ (xác nhận bị cáo đã nộp tổng cộng 6.900.000đ bao gồm cả tiền án phí HSST, trả lại bị cáo tiền nộp thừa 2.300.000đ).

- Bị cáo Lê Văn D 2.200.000đ (xác nhận bị cáo đã nộp tổng cộng 5.400.000đ bao gồm cả tiền án phí HSST, trả lại bị cáo tiền nộp thừa 3.000.000đ).

- Bị cáo Lê Văn C1 1.500.000đ (xác nhận bị cáo đã nộp 4.700.000đ bao gồm cả tiền án phí HSST, trả lại bị cáo tiền nộp thừa 3.000.000đ).

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT, VKS, TAND huyện T;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC81- CA tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã P;
- Bị cáo;
- Lưu HS ; Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nghiêm Thị Lượng